

Bản án số: 414/2025/HS-ST

Ngày: 01-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.
- Bà Võ Thị Nam.
- Ông Nguyễn Thành Châu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tiếp xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 292/2025/TLST-HS ngày 09/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3449/2025/QĐXXST-HS ngày 08/7/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Trường A**; giới tính: nam; sinh năm 1994 tại Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi thường trú: 30/3 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: C17/16 ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Phương T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 07/8/2024; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Nguyễn Thị L là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bạch Đình T2, sinh năm 1964; nơi cư trú: D ấp A, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 49/1B ấp A, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; nơi cư trú: 82/7 ấp A, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 82/7 ấp A, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 07/8/2024, Tổ tuần tra của Công an xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Lê Trường A điều khiển xe mô tô biển số 71C3 – 162.39 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra thì phát hiện bên trong túi áo khoác bên trái của A có 08 tờ tiền Ngân hàng V mệnh giá 50.000 đồng, có cùng số seri EX21273630. A khai nhận số tiền trên đều là tiền giả, nên Tổ tuần tra đã đưa A về trụ sở Công an xã T lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cùng lúc này có chị Nguyễn Thị D và anh Bạch Đình T2 đến Công an xã T giao nộp 02 tờ tiền Ngân hàng V mệnh giá 50.000 đồng và có cùng số seri EX21273630.

Quá trình điều tra, Lê Trường A khai nhận: Vào khoảng tháng 3/2023, A mua máy móc, công cụ như máy tính Dell, máy Scan, máy in Epson L805, máy in Gold Win 3360... về để in ộp lung điện thoại. Trong quá trình in, A đã in hình ảnh tờ tiền Việt Nam lên ộp điện thoại thì A thấy đẹp và rất giống tờ tiền thật, nên A nảy sinh ý định in tiền giả để đổi lấy tiền thật. Khoảng tháng 01/2024, A làm tiền giả mệnh giá 5.000 đồng có các số seri XR7700190, XR7700121, tiền giả mệnh giá 2.000 đồng có các số seri HP6905444, HP6905848, tiền giả mệnh giá 1.000 đồng có số seri NW6421124 và đã dùng tiền làm giả trên mua vật dụng, bánh kẹo và nước giải khát. Sau đó A chuyển sang làm tiền giả có mệnh giá 50.000 đồng có số seri EX21273630, nhưng không nhớ đã làm bao nhiêu tiền giả. A nhiều lần mang đi sử dụng tiền giả mệnh giá 50.000 đồng để mua những thứ có giá trị nhỏ như đồ ăn, hộp quẹt, vé số... trên địa bàn huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều ngày và đã thu được 53.138.000 đồng tiền thật, gồm: 70.000 đồng đã thu giữ khi bắt quả tang là tiền thối lại khi A sử dụng 100.000 đồng tiền giả mua nước ngọt, vé số của anh Bạch Đình T2 và chị Nguyễn Thị D; 53.068.000 đồng đã thu giữ khi tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của A tại nhà số C ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả kiểm đếm thì tổng tiền giả thu giữ của A là 208.550.000 đồng, bao gồm các loại tiền có mệnh giá 50.000 đồng, 5.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng.

Quá trình Lê Trường A thực hiện việc làm tiền giả như sau:

- Đối với loại tiền giả có mệnh giá 5.000 đồng, 2.000 đồng và mệnh giá 1.000 đồng: Bước 1 A sử dụng máy Scan để scan hình ảnh tờ tiền, bước 2 A chuyển hình ảnh tờ tiền scan được vào máy vi tính rồi chỉnh sửa kích thước, màu sắc cho giống như tờ tiền thật và bước 3 A sử dụng máy in Epson L805 in hình ảnh tờ tiền đã chỉnh sửa kích thước, màu sắc lên giấy A4. Vì mỗi lần in chỉ in được một mặt, nên sau khi in mặt trước thì A lật ngược tờ giấy A4 để in mặt sau. Bước 4 là A dùng kéo cắt rời các tờ tiền giả vừa mới in ra và bước 5 thì A nhúng nhanh các tờ tiền giả vừa mới cắt vào nước cà phê pha loãng để cho tờ tiền giả cũ hơn nhìn cho giống tờ tiền thật.

- Đối với loại tiền giả có mệnh giá 50.000 đồng: Bước 1 A sử dụng máy Scan để scan hình ảnh tờ tiền, bước 2 A chuyển hình ảnh tờ tiền scan được vào máy vi tính rồi chỉnh sửa kích thước, màu sắc cho giống như tờ tiền thật, bước 3 A sử dụng máy in Gold Win 3360 in hình ảnh tờ tiền đã chỉnh sửa kích thước, màu sắc lên chất liệu polymer. Mỗi lần chỉ in được một mặt nên sau khi in mặt trước A lật ngược tờ polymer để in mặt sau. Bước 4 là A dùng kéo cắt rời các tờ tiền giả vừa mới in ra và bước 5 thì A chà qua cát để cho các tờ tiền cũ lại và để cho mực in khi cầm không bị dính tay.

Theo Kết luận giám định số 9566/KL-KTHS ngày 22/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: 3.879 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu Polymer.

Theo Kết luận giám định số 10369/KL-KTHS ngày 30/10/2024, kết luận: 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu Polymer; 1.320 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có cùng số seri XR7700190 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 1.230 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có cùng số seri XR7700121 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 540 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có cùng số seri HP6905444 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 80 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có cùng số seri HP6905848 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 110 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có cùng số seri NW6421124 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy.

Theo Kết luận giám định số 10370/KL-KTHS ngày 12/9/2024, kết luận: Bản in giấy bạc mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 trên 3.890 tờ nylon cần giám định là bản in tiền giả, nội dung trên bản in giấy bạc được in giả bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu nylon.

Kết luận giám định số 10368/KL-KTHS ngày 23/10/2024, kết luận: 4.914 tờ giấy bạc cần giám định là tiền thật.

Ngày 21/02/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng Hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 1168/KL-HĐĐGTS xác

định: 327 hộp quẹt gas các loại (thu giữ của Lê Trường A khai dùng tiền giả để mua) trị giá 751.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 211/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 25/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Trường A về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã đủ cơ sở để xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Trường A về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét bị cáo phạm tội trong thời gian dài và số tiền thu lợi bất chính lớn, trong đó có một số mẫu phôi đã được in ra nhưng chưa kịp tiêu thụ nên tính chất của vụ án do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trường A từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” và phạt bổ sung 15.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luận cứ bào chữa và ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Trường A về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, nhưng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 15 năm đến 16 năm tù là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ, ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thì bị cáo A có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, quá trình sống luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, có cậu ruột là liệt sĩ. Số tiền hơn 53.000.000 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính đã được thu giữ, bị cáo cũng tác động gia đình nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ không có công việc ổn định, bản thân bị cáo là con cả trong gia đình, có em gái đang học THPT nhưng do bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên nảy sinh hành vi phạm tội. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án của khung hình phạt thấp hơn liền kề và miễn, giảm hình phạt bổ sung, do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo thống nhất với Luận cứ bào chữa của Luật sư, không trình bày lời bào chữa bổ sung và không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Trường A trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả giám định và các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng tháng 3 năm 2023, bị cáo Lê Trường A mua máy tính Dell, máy Scan, máy in Epson L805 và máy in Gold Win 3360 về tại nơi ở của bị cáo, số C ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, để thực hiện hành vi làm tiền giả. Đến khoảng tháng 01 năm 2024, bị cáo tiến hành làm tiền giả loại mệnh giá 2.000 đồng có cùng số seri HP6905444 và số seri HP6905848, loại mệnh giá 1.000 đồng có cùng số seri NW6421124, loại mệnh giá 5.000 đồng có số seri XR7700190 và số seri XR7700121. Bị cáo đã dùng các loại tiền giả này để mua vật dụng, bánh kẹo, nước giải khát trong một thời gian dài nhưng không bị phát hiện, nên bị cáo chuyển sang làm tiền giả có mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 và sử dụng tiền giả có mệnh giá này mua những thứ có giá trị nhỏ hơn 50.000 đồng để được thối lại tiền thật.

Cách thức mà bị cáo làm tiền giả như sau: Đối với các tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 2.000 đồng và 5.000 đồng, bị cáo sử dụng máy S để scan hình ảnh tờ tiền, sau đó chuyển hình ảnh tờ tiền scan được vào máy vi tính để chỉnh sửa kích thước, màu sắc cho giống như tờ tiền thật, rồi sử dụng máy in Epson L805 in hình ảnh tờ tiền đã chỉnh sửa kích thước, màu sắc lên giấy A4. Sau khi in mặt trước xong thì bị cáo in mặt sau, rồi dùng kéo cắt rời các tờ tiền giả vừa mới in ra và nhúng nhanh các tờ tiền giả đó vào nước cà phê pha loãng, để cho tờ tiền giả cũ hơn nhìn cho giống tờ tiền thật. Đối với tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thì bị cáo sử dụng máy in Gold Win 3360 in hình ảnh tờ tiền đã chỉnh sửa kích thước, màu sắc lên chất liệu polymer và sau khi in xong thì bị cáo chà qua cát để cho các tờ tiền cũ lại và để cho mực in khi cầm không bị dính tay.

Theo Kết luận giám định số 9566/KL-KTHS ngày 22/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: 3.879 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có cùng số

seri EX21273630 là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu Polymer.

Theo Kết luận giám định số 10369/KL-KTHS ngày 30/10/2024, kết luận: 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu Polymer; 1.320 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có cùng số seri XR7700190 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 1.230 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng có cùng số seri XR7700121 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 540 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có cùng số seri HP6905444 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 80 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có cùng số seri HP6905848 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy; 110 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có cùng số seri NW6421124 là tiền giả, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu giấy.

Theo Kết luận giám định số 10370/KL-KTHS ngày 12/09/2024, kết luận: Bản in giấy bạc mệnh giá 50.000 đồng có cùng số seri EX21273630 trên 3.890 tờ nylon cần giám định là bản in tiền giả, nội dung trên bản in giấy bạc được in giả bằng phương pháp in phun màu trên chất liệu nylon.

Quá trình làm tiền giả, lấy tiền giả đi mua hàng có giá trị nhỏ thì bị cáo được người bán hàng thối lại tổng cộng là 53.138.000 đồng tiền thật, gồm: 70.000 đồng đã thu giữ khi bắt quả tang và 53.068.000 đồng đã thu giữ khi tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của A tại nhà số C ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình của bị cáo đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra, nên bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật này.

[4] Về áp dụng hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, nó không những xâm phạm đến quy định của nhà nước về quản lý tiền tệ, mà còn gây thiệt hại cho nền kinh tế của đất nước. Bị cáo vừa làm tiền giả, vừa trực tiếp tiêu thụ tiền giả và để che giấu hành vi phạm tội của mình bị cáo đã nhúng nhanh các tờ tiền giả vào nước cả phê pha loãng, hoặc chà qua cát, để cho tờ tiền giả sau khi làm cũ hơn, nhìn cho giống tờ tiền thật. Với tính chất của vụ án và mức độ phạm tội như vậy, đáng lẽ phải xử phạt bị cáo mức án cao trong khung hình phạt được áp dụng, để

giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng xét thấy bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định tại phần [3] nên Hội đồng xét xử áp dụng mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 còn quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để tăng cường tính giáo dục và răn đe của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần luận cứ bào chữa của Luật sư.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 53.138.000 đồng. Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định đây là tiền có nguồn gốc bị cáo dùng tiền làm giả mua hàng hóa có giá trị nhỏ để được thối lại, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra thu giữ bị cáo các đồ vật, tài sản sau:

- Xe hai bánh gắn máy màu trắng đỏ; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định (dán đề can Exciter); Dung tích xi lanh: không xác định; BS: 47N1-095.43; SK: RLCUG0610GY337026; SM: G3D4E-353943 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng (trầy tróc, cũ hỏng, thực nhận 01 điện thoại Iphone màu vàng, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 (một) máy in nhãn hiệu Gold Win màu trắng (cũ, hỏng).

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen (không pin, model P22G, cũ, hỏng, không kiểm tra máy móc bên trong).

- 01 (một) máy scan nhãn hiệu HP (cũ, hỏng).

Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định bị cáo dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus để đặt mua máy móc vật tư, sử dụng các máy móc vật tư này để làm tiền giả và sử dụng chiếc xe biển số 47N1-09543 để chở máy móc vật tư phục vụ làm tiền giả. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus và chiếc xe biển số 47N1-09543.

- Xe hai bánh gắn máy màu đỏ đen; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định (dán đề can Sirius); Dung tích xi lanh: không xác định; BS:

71C3-162.39; SK: RLCS1FC40E-Y017938; SM: 1FC4-017930 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định chiếc xe này không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) áo khoác màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ A.

- 01 (một) xấp nylon trong suốt kích thước 16 x 29 cm; 01 (một) khay nhựa đựng cát; 02 (hai) cây kéo dài khoảng 13,5 cm; 01 (một) bao nylon đen chứa hộp quẹt gas các loại.

- 2.270 (hai ngàn hai trăm bảy mươi) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 03 hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.

- 20 (hai mươi) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 02 (hai) hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.

- 1.600 (một ngàn sáu trăm) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 01 (một) hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.

- 3.889 (ba ngàn tám trăm tám mươi chín) tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.

- 1.320 (một ngàn ba trăm hai mươi) tờ tiền giả mệnh giá 5.000đ (năm ngàn đồng), có cùng số sêri: XR7700190.

- 1.230 (một ngàn hai trăm ba mươi) tờ tiền giả mệnh giá 5.000đ (năm ngàn đồng), cùng số sêri: XR7700121.

- 540 (năm trăm bốn mươi) tờ tiền giả mệnh giá 2.000đ (hai ngàn đồng), có cùng số sêri: HP6905444.

- 80 (tám mươi) tờ tiền giả mệnh giá 2.000đ (hai ngàn đồng), có cùng số sêri: HP6905848.

- 110 (một trăm mười) tờ tiền giả mệnh giá 1.000đ (một ngàn đồng), có cùng số sêri: NW6421124.

Các vật chứng trên là công cụ mà bị cáo sử dụng để phạm tội và không có giá trị nên căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị cáo dùng 50.000 đồng tiền làm giả có số seri EX21273630 để mua hàng của bà Nguyễn Thị D và dùng 50.000 đồng tiền làm giả có số seri EX21273630 để mua vé số kiến thiết của ông Bạch Đình T2. Tại phiên tòa bà D và ông T2 vắng mặt nhưng bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà D và ông T2 số tiền trên nên tòa ghi nhận.

Trong giai đoạn điều tra, ông Lê Văn T là cha của bị cáo nộp thay cho bị cáo 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Lê Trường A** 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 07/8/2024).

Phạt bổ sung Lê Trường A 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên tịch thu số tiền 53.138.000 (Năm mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

(Số tiền trên hiện được gửi giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước quận B, theo Giấy nộp tiền số 10994596 ngày 27/11/2024 tại Ngân hàng TMCP V).

Về xử lý vật chứng:

1/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng sau:

- Xe hai bánh gắn máy màu trắng đỏ; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định (dán đề can Exciter); Dung tích xi lanh: không xác định; BS: 47N1-095.43; SK: RLCUG0610GY337026; SM: G3D4E-353943 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng (trầy tróc, cũ hỏng, thực nhận 01 điện thoại Iphone màu vàng, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 (một) máy in nhãn hiệu Gold Win màu trắng (cũ, hỏng).

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen (không pin, model P22G, cũ, hỏng, không kiểm tra máy móc bên trong).

- 01 (một) máy scan nhãn hiệu HP (cũ, hỏng).

2/ Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo: Xe hai bánh gắn máy màu đỏ đen; Nhãn hiệu: không xác định; Số loại: không xác định (dán đề can Sirius); Dung tích xi lanh: không xác định; BS: 71C3-162.39; SK: RLCS1FC40E-Y017938; SM: 1FC4-017930 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

3/ Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) áo khoác màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ A.
- 01 (một) xấp nylon trong suốt kích thước 16 x 29 cm; 01 (một) khay nhựa đựng cát; 02 (hai) cây kéo dài khoảng 13,5 cm; 01 (một) bao nylon đen chứa hộp quẹt gas các loại.
- 2.270 (hai ngàn hai trăm bảy mươi) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 03 hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.
- 20 (hai mươi) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 02 (hai) hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.
- 1.600 (một ngàn sáu trăm) bản in hai mặt trên chất liệu nilong, mỗi bản in có 01 (một) hình tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.
- 3.889 (ba ngàn tám trăm tám mươi chín) tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), có cùng số sêri: EX21273630.
- 1.320 (một ngàn ba trăm hai mươi) tờ tiền giả mệnh giá 5.000đ (năm ngàn đồng), có cùng số sêri: XR7700190.
- 1.230 (một ngàn hai trăm ba mươi) tờ tiền giả mệnh giá 5.000đ (năm ngàn đồng), cùng số sêri: XR7700121.
- 540 (năm trăm bốn mươi) tờ tiền giả mệnh giá 2.000đ (hai ngàn đồng), có cùng số sêri: HP6905444.
- 80 (tám mươi) tờ tiền giả mệnh giá 2.000đ (hai ngàn đồng), có cùng số sêri: HP6905848.
- 110 (một trăm mười) tờ tiền giả mệnh giá 1.000đ (một ngàn đồng), có cùng số sêri: NW6421124.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/312 ngày 09/4/2025 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PA09 - Công an Thành phố H.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Lê Trường A phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị D 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Lê Trường A phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Bạch Đình T2 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng.

Tiếp tục tạm giữ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng mà ông Lê Văn T đã nộp thay cho bị cáo Lê Trường A, để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Số tiền trên hiện được gửi giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước quận B, theo Giấy nộp tiền số 11124349 ngày 10/01/2025 tại Ngân hàng TMCP V).

Về án phí:

Bị cáo Lê Trường A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 01/8/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 của Luật này.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- Tòa phúc thẩm tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam Chí Hòa; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (8)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

